

DANH MỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ, DỤNG CỤ ĐÀO TẠO CỦA TỪNG NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Stt	Tên ngành, nghề	Phòng lý thuyết		Phòng thực hành			
		Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Tên cụ thể của phòng	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo trong phòng
1	Điều dưỡng (Cao đẳng)	2	50	1	50	Phòng học kỹ thuật cơ sở	2
				1	50	Phòng học ngoại ngữ	63
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	34
				1	80	Phòng thực hành kỹ thuật điều dưỡng	470
				1	80	Phòng thực hành cấp cứu và chăm sóc tích cực	234
				1	80	Phòng thực hành chăm sóc người bệnh tại buồng bệnh	261
				1	80	Phòng thực hành sản, nhi, kế hoạch hóa gia đình	185
				1	70	Phòng thực hành y học cổ truyền - phục hồi chức năng - dược	65
				1	70	Phòng thực hành giải phẫu	71
				1	70	Phòng thực hành sinh lý, hóa sinh, vi sinh - ký sinh trùng	148
2	Chăm sóc sắc đẹp (Cao đẳng)	1	50	1	70	Phòng thực hành sức khỏe cộng đồng	39
				1	50	Phòng học kỹ thuật cơ sở	14
				1	50	Phòng học ngoại ngữ	94
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	52
				1	50	Phòng thực hành chăm sóc da	227
				1	50	Phòng thực hành móng	310
3	Logistics (Cao đẳng)	2	50	1	50	Phòng thực hành trang điểm	124
				1	50	Phòng học ngoại ngữ	111
				1	50	Phòng thực hành Máy vi tính	59
				1	70	Phòng thực hành Hành chính Logistics	32
				1	70	Phòng thực hành Điều phối Logistics	22
				1	70	Phòng thực hành Xếp dỡ	11
				1	70	Phòng thực hành Quản lý kho	28

Stt	Tên ngành, nghề	Phòng lý thuyết		Phòng thực hành			
		Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Tên cụ thể của phòng	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo trong phòng
4	Logistics (Trung cấp)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	111
				1	50	Phòng thực hành Máy vi tính	59
				1	70	Phòng thực hành Hành chính Logistics	32
				1	70	Phòng thực hành Điều phối Logistics	22
				1	70	Phòng thực hành Xếp dỡ	11
				1	70	Phòng thực hành Quản lý kho	28
5	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Cao đẳng)	3	50	1	50	Phòng học kỹ thuật cơ sở	15
				1	50	Phòng học ngoại ngữ	95
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	56
				1	50	Phòng thực hành điện, điện tử cơ bản	1038
				1	50	Phòng thực hành máy điện	293
				1	50	Phòng thực hành lắp ráp, sửa chữa thiết bị điện tử	655
				1	50	Phòng thực hành hệ thống điện	560
				1	50	Phòng thực hành tự động hóa	607
				1	50	Phòng thực hành thiết kế chế tạo mạch in	30
6	Tự động hóa công nghiệp (cao đẳng)	3	50	1	50	Phòng học kỹ thuật cơ sở	172
				1	50	Phòng học ngoại ngữ	63
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	34
				1	50	Phòng thực hành điện - điện tử	717
				1	50	Phòng thực hành lắp đặt hệ thống điều khiển	631
				1	50	Phòng thực hành lập trình điều khiển	244
				1	50	Phòng thực hành khí nén - thủy lực	257
				1	50	Phòng thực hành robot và tự động hóa	142
7	Tự động hóa công nghiệp (Trung cấp)	1	50	1	50	Phòng học kỹ thuật cơ sở	172
				1	50	Phòng học ngoại ngữ	63
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	34
				1	50	Phòng thực hành điện - điện tử	717
				1	50	Phòng thực hành lắp đặt hệ thống điều khiển	631
				1	50	Phòng thực hành lập trình điều khiển	244
				1	50	Phòng thực hành khí nén - thủy lực	257

Stt	Tên ngành, nghề	Phòng lý thuyết		Phòng thực hành			
		Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Tên cụ thể của phòng	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo trong phòng
				1	50	Phòng thực hành robot và tự động hóa	142
8	Điện công nghiệp (Cao đẳng)	3	50	1	50	Phòng học kỹ thuật cơ sở	68
				1	50	Phòng học ngoại ngữ	63
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	36
				1	50	Phòng thực hành điện cơ bản	515
				1	50	Phòng thực hành cơ khí	237
				1	50	Phòng thực hành máy điện	325
				1	50	Phòng thực hành trang bị điện	592
				1	50	Phòng thực hành lắp đặt điện	268
				1	50	Phòng thực hành tự động hóa	951
9	Điện công nghiệp (Trung cấp)	3	50	1	50	Phòng học kỹ thuật cơ sở	68
				1	50	Phòng học ngoại ngữ	63
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	36
				1	50	Phòng thực hành điện cơ bản	515
				1	50	Phòng thực hành cơ khí	237
				1	50	Phòng thực hành máy điện	325
				1	50	Phòng thực hành trang bị điện	592
				1	50	Phòng thực hành lắp đặt điện	268
				1	50	Phòng thực hành tự động hóa	951
10	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (Cao đẳng)	3	50	1	50	Phòng kỹ thuật cơ sở	331
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	43
				1	50	Phòng ngoại ngữ	63
				1	50	Phòng thực hành cơ khí	412
				1	50	Phòng thực hành điện - điện tử	668
				1	50	Phòng thực hành lạnh cơ bản	310
				1	50	Phòng thực hành điều hòa không khí dân dụng và thương mại	267
				1	50	Phòng thực hành điều hòa không khí trung tâm	261
				1	50	Phòng thực hành máy lạnh dân dụng và thương mại	279
				1	50	Phòng thực hành máy lạnh công nghiệp	274

Stt	Tên ngành, nghề	Phòng lý thuyết		Phòng thực hành			
		Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Tên cụ thể của phòng	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo trong phòng
11	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (Trung cấp)	3	50	1	50	Phòng kỹ thuật cơ sở	331
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	43
				1	50	Phòng ngoại ngữ	63
				1	50	Phòng thực hành cơ khí	412
				1	50	Phòng thực hành điện - điện tử	668
				1	50	Phòng thực hành lạnh cơ bản	310
				1	50	Phòng thực hành điều hòa không khí dân dụng và thương mại	267
				1	50	Phòng thực hành điều hòa không khí trung tâm	261
				1	50	Phòng thực hành máy lạnh dân dụng và thương mại	279
				1	50	Phòng thực hành máy lạnh công nghiệp	274
12	Điện tử dân dụng (Cao đẳng)	1	50	1	50	Phòng kỹ thuật cơ sở	28
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	59
				1	50	Phòng ngoại ngữ	63
				1	50	Phòng điện tử cơ bản	242
				1	50	Phòng điện tử ứng dụng	324
				1	50	Phòng kỹ thuật âm thanh	244
				1	50	Phòng kỹ thuật truyền hình	227
				1	50	Phòng lập trình điều khiển	1554
13	Điện tử dân dụng (Trung cấp)	1	50	1	50	Phòng kỹ thuật cơ sở	28
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	59
				1	50	Phòng ngoại ngữ	63
				1	50	Phòng điện tử cơ bản	242
				1	50	Phòng điện tử ứng dụng	324
				1	50	Phòng kỹ thuật âm thanh	244
				1	50	Phòng kỹ thuật truyền hình	227
				1	50	Phòng lập trình điều khiển	1554
				1	50	Phòng Kỹ thuật cơ sở	790
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	34
				1	50	Phòng ngoại ngữ	63

Stt	Tên ngành, nghề	Phòng lý thuyết		Phòng thực hành			
		Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Tên cụ thể của phòng	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo trong phòng
14	Điện dân dụng (Cao đẳng)	1	50	1	50	Phòng Máy điện	511
				1	50	Phòng Lắp đặt và sửa chữa thiết bị điện gia dụng	312
				1	50	Phòng Lắp đặt và sửa chữa các mạch điện điều khiển dân dụng	690
				1	50	Phòng Lắp đặt và sửa chữa hệ thống điện dân dụng	584
				1	50	Phòng Kỹ thuật cơ khí	330
15	Điện dân dụng (trung cấp)	1	50	1	50	Phòng Kỹ thuật cơ sở	790
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	34
				1	50	Phòng ngoại ngữ	63
				1	50	Phòng Máy điện	511
				1	50	Phòng Lắp đặt và sửa chữa thiết bị điện gia dụng	312
				1	50	Phòng Lắp đặt và sửa chữa các mạch điện điều khiển dân dụng	690
				1	50	Phòng Lắp đặt và sửa chữa hệ thống điện dân dụng	584
				1	50	Phòng Kỹ thuật cơ khí	330
16	Công nghệ ô tô (Cao đẳng)	5	60	1	60	Phòng kỹ thuật cơ sở	65
				1	50	Phòng ngoại ngữ	63
				1	87	Phòng thực hành máy vi tính	55
				1	80	Phòng thực hành điện cơ bản	49
				1	90	Phòng thực hành hàn cơ bản	234
				1	90	Phòng học thực hành nguội, gò cơ bản	206
				1	90	Phòng thực hành động cơ ô tô	243
				1	80	Phòng học nhiên liệu	195
				1	80	Phòng thực hành gầm ô tô	367
				1	90	Phòng thực hành điện ô tô	303
				1	90	Phòng học kỹ thuật chuẩn đoán và kiểm định	115
				1	90	Phòng thực hành chẩn đoán và kiểm định	115
				1	60	Phòng kỹ thuật cơ sở	65
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	55
				1	50	Phòng ngoại ngữ	63

Stt	Tên ngành, nghề	Phòng lý thuyết		Phòng thực hành			
		Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Tên cụ thể của phòng	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo trong phòng
15	Công nghệ ô tô (Trung cấp)	1	50	1	80	Phòng thực hành điện cơ bản	49
				1	90	Phòng thực hành hàn cơ bản	234
				1	90	Phòng học thực hành nguội, gò cơ bản	206
				1	90	Phòng thực hành động cơ ô tô	243
				1	80	Phòng học nhiên liệu ô tô	195
				1	80	Phòng thực hành gầm ô tô	367
				1	90	Phòng thực hành điện ô tô	303
				1	90	Phòng học kỹ thuật chuẩn đoán và kiểm định	115
16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)- Trung cấp	1	50	1	50	Phòng kỹ thuật cơ sở	22
				1	50	Phòng ngoại ngữ	94
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	52
				1	50	Phòng thực hành phần cứng máy tính	85
				1	50	Phòng thực hành mạng máy tính	140
				1	50	Phòng thực hành ứng dụng phần mềm	68
17	Thiết kế đồ họa (Cao đẳng)	3	50	1	50	Phòng kỹ thuật cơ sở	11
				1	50	Phòng ngoại ngữ	117
				1	87	Phòng thực hành máy vi tính	268
				1	50	Phòng thực hành Mỹ thuật cơ bản	101
				1	50	Phòng thực hành đa phương tiện	128
				1	50	Phòng thực hành thiết kế đối tượng đồ họa Games, hoạt hình 2D, 3D	102
18	Thiết kế đồ họa (Trung cấp)	3	50	1	50	Phòng kỹ thuật cơ sở	11
				1	50	Phòng ngoại ngữ	117
				1	87	Phòng thực hành máy vi tính	268
				1	50	Phòng thực hành Mỹ thuật cơ bản	101
				1	50	Phòng thực hành đa phương tiện	128
				1	50	Phòng thực hành thiết kế đối tượng đồ họa Games, hoạt hình 2D, 3D	102
				1	50	Phòng kỹ thuật cơ sở	22

Stt	Tên ngành, nghề	Phòng lý thuyết		Phòng thực hành			
		Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Tên cụ thể của phòng	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo trong phòng
19	Công nghệ thông tin (Cao đẳng)	3	50	1	87	Phòng ngoại ngữ	94
				1	87	Phòng thực hành máy vi tính	52
				1	50	Phòng thực hành phần cứng máy tính	152
				1	50	Phòng thực hành mạng máy tính	152
				1	87	Phòng thực hành phần mềm	90
20	Kỹ thuật chế biến món ăn (Cao đẳng)	3	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	117
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	66
				1	70	Phòng thực hành chế biến món ăn	1104
				1	70	Phòng thực hành chế biến bánh và món ăn tráng miệng	1193
21	Kỹ thuật chế biến món ăn (Trung cấp)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	117
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	66
				1	70	Phòng thực hành chế biến món ăn	1104
				1	70	Phòng thực hành chế biến bánh và món ăn tráng miệng	1193
22	Quản trị khách sạn (Cao đẳng)	2	50	1	50	Phòng thực hành máy vi tính	66
				1	50	Phòng học ngoại ngữ	117
				1	50	Phòng thực hành Nghiệp vụ cơ sở	44
				1	50	Phòng thực hành nghiệp vụ Lễ tân	79
				1	50	Phòng thực hành nghiệp vụ Buồng	361
				1	50	Phòng thực hành nghiệp vụ Nhà hàng	1951
				1	50	Phòng thực hành nghiệp vụ Pha chế	611
				1	50	Phòng thực hành nghiệp vụ Bếp	1193
23	Hàn (Cao đẳng)	1	50	1	100	Phòng Kỹ thuật cơ sở	188
						Phòng thực hành Máy vi tính	35
						Phòng ngoại ngữ	64
						Phòng thực hành CAD/CAM	64
						Phòng thực hành Vẽ kỹ thuật	115
						Phòng thực hành Chế tạo phôi	199
						Phòng thực hành Hàn hồ quang	150
						Phòng thực hành Hàn khí	119

Stt	Tên ngành, nghề	Phòng lý thuyết		Phòng thực hành			
		Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Tên cụ thể của phòng	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo trong phòng
						Phòng thực hành Hàn công nghệ cao	190
						Phòng thực hành Hàn rô bốt	73
						Phòng thực hành Kiểm tra chất lượng mối hàn	57
24	Hàn (Trung cấp)	1	50	1	100	Phòng Kỹ thuật cơ sở	188
						Phòng thực hành Máy vi tính	35
						Phòng ngoại ngữ	64
						Phòng thực hành CAD/CAM	64
						Phòng thực hành Vẽ kỹ thuật	115
						Phòng thực hành Chế tạo phôi	199
						Phòng thực hành Hàn hồ quang	150
						Phòng thực hành Hàn khí	119
						Phòng thực hành Hàn công nghệ cao	190
						Phòng thực hành Hàn rô bốt	73
						Phòng thực hành Kiểm tra chất lượng mối hàn	57
25	Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam (Trung cấp)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	94
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	59
26	Phiên dịch tiếng Đức kinh tế, thương mại (Cao đẳng)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	94
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	59
27	Tiếng Anh (Cao đẳng)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	94
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	59
28	Tiếng Anh (Trung cấp)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	94
				1	50	Phòng thực hành máy tính	59
29	Tiếng Trung Quốc (Cao đẳng)	15	45	5	50	Phòng học ngoại ngữ	94
				3	50	Phòng thực hành máy tính	59
30	Tiếng Trung Quốc (Trung cấp)	15	45	5	50	Phòng học ngoại ngữ	94
				3	50	Phòng thực hành máy tính	59
31	Tiếng Đức (Trung cấp)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	94
				1	50	Phòng thực hành máy tính	59
32	Tiếng Hàn Quốc (Cao	5	50	2	50	Phòng học ngoại ngữ	94

Stt	Tên ngành, nghề	Phòng lý thuyết		Phòng thực hành			
		Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Tên cụ thể của phòng	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo trong phòng
32	đăng)	1	50	1	50	Phòng thực hành máy tính	59
33	Tiếng Hàn Quốc (Trung cấp)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	94
				1	50	Phòng thực hành máy tính	59
34	Tiếng Nhật (Cao đẳng)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	94
				1	50	Phòng thực hành máy tính	59
35	Tiếng Nhật (Trung cấp)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	94
				1	50	Phòng thực hành máy tính	59
36	Marketing (Cao đẳng)	3	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	94
				1	50	Phòng thực hành máy tính	59
37	Marketing (Trung cấp)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	94
				1	50	Phòng thực hành máy tính	59
38	Thương mại điện tử (Cao đẳng)	3	50	1	50	Phòng kỹ thuật cơ sở	11
				1	87	Phòng thực hành máy vi tính	90
				1	87	Phòng ngoại ngữ	90
				1	50	Phòng thực hành thương mại điện tử	112
				1	50	Phòng thực hành mạng máy tính	135
				1	50	Phòng thực hành đa phương tiện	112
39	Thương mại điện tử (Trung cấp)	1	50	1	50	Phòng kỹ thuật cơ sở	11
				1	87	Phòng thực hành máy vi tính	90
				1	87	Phòng ngoại ngữ	90
				1	50	Phòng thực hành thương mại điện tử	112
				1	50	Phòng thực hành mạng máy tính	135
				1	50	Phòng thực hành đa phương tiện	112
40	Kế toán (Cao đẳng)	3	50	1	50	Phòng thực hành máy vi tính	268
				1	50	Phòng ngoại ngữ	117
41	Kế toán doanh nghiệp (Trung cấp)	1	50	1	50	Phòng thực hành máy vi tính	268
				1	50	Phòng ngoại ngữ	117
42	Quản trị kinh doanh (Cao đẳng)	3	50	1	50	Phòng thực hành máy vi tính	268
				1	50	Phòng ngoại ngữ	117
43	Dịch vụ pháp lý (Cao	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	94

Stt	Tên ngành, nghề	Phòng lý thuyết		Phòng thực hành			
		Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Tên cụ thể của phòng	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo trong phòng
43	đăng)	1	50	1	50	Phòng thực hành máy vi tính	52
44	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc (Cao đẳng)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	63
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	43
45	Công nghệ kỹ thuật xây dựng (Trung cấp)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	63
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	43
46	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông (Cao	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	63
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	43
47	Công nghệ may (Trung cấp)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	63
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	43
				1	50	Phòng thực hành may	4
48	Y sỹ đa khoa (Cao đẳng)	3	45	1	50	Phòng thực hành giải phẫu sinh lý	56
				1	50	Phòng thực hành điều dưỡng cơ bản 1,2	340
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	43
				1	50	Phòng học ngoại ngữ	63
49	Y sỹ đa khoa (Trung cấp)	1	45	1	50	Phòng thực hành giải phẫu sinh lý	56
				1	50	Phòng thực hành điều dưỡng cơ bản 1,2	340
				1	50	Phòng học ngoại ngữ	63
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	43
50	Y học cổ truyền (Cao đẳng)	2	45	1	50	Phòng thực hành dược liệu và dược lý	46
				1	50	Phòng Thực hành Giải phẫu sinh lý	56
				1	50	Phòng thực hành điều dưỡng cơ bản 1 và 2	340
				1	50	Phòng học ngoại ngữ	63
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	43
50	Dược (Cao đẳng)	3	45	1	70	Phòng thực hành hóa	962
				1	70	Phòng thực hành kiểm nghiệm	962
				1	50	Phòng thực hành Dược liệu	46
				1	50	Phòng Thực hành Bảo chế	201
				1	50	Phòng học ngoại ngữ	63
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	43
	Kỹ thuật phục hình răng			1	50	Phòng thực hành nha khoa răng	226

Stt	Tên ngành, nghề	Phòng lý thuyết		Phòng thực hành			
		Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Tên cụ thể của phòng	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo trong phòng
51	Kỹ thuật phục hình răng (Cao đẳng)	3	45	1	50	Phòng học ngoại ngữ	63
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	43
52	Hướng dẫn du lịch (Cao đẳng)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	94
				1	50	Phòng thực hành máy tính	59
53	Quản trị lữ hành (Cao đẳng)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	94
				1	50	Phòng thực hành máy tính	59
54	Dịch vụ lữ hành (Trung cấp)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	94
				1	50	Phòng thực hành máy tính	59
55	Ngh nghiệp vụ lễ tân (Trung cấp)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	94
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	59
				1	50	Phòng thực hành nghiệp vụ Lễ tân	79
				1	50	Phòng thực hành nghiệp vụ Pha chế	611
56	Quản trị buồng phòng (Cao đẳng)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	94
				1	50	Phòng thực hành máy vi tính	59
				1	50	Phòng thực hành nghiệp vụ Buồng	361
				1	50	Phòng thực hành nghiệp vụ Lễ tân	79
57	Ngh nghiệp vụ lưu trú (Trung cấp)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	94
				1	50	Phòng thực hành máy tính	59
				1	50	Phòng thực hành nghiệp vụ Lễ tân	79
58	Quản trị nhà hàng (Cao đẳng)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	94
				1	50	Phòng thực hành máy tính	59
				1	50	Phòng thực hành nghiệp vụ Lễ tân	79
59	Ngh nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn (Trung cấp)	1	50	1	50	Phòng học ngoại ngữ	94
				1	50	Phòng thực hành máy tính	59
				1	50	Phòng thực hành nghiệp vụ Lễ tân	79

